

CANADA VÀ CPTPP



Tổng quan kinh tế Việt Nam tại Canada

TỔNG QUAN VỀ CA-NA-ĐA



9.984.670 km²

Số 2 thế giới

6 khu vực địa lý

10 tỉnh +
3 vùng lãnh thổ

37 triệu

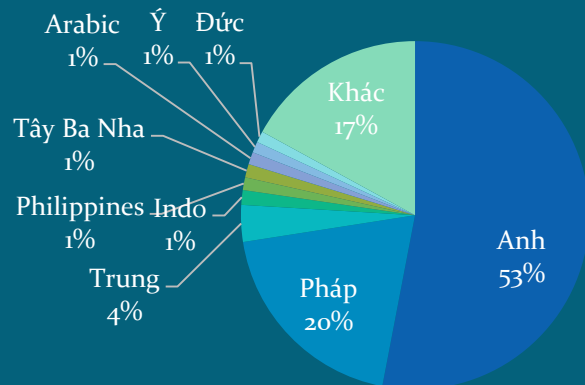
• 85% trong 160 km biên giới Mỹ

• 61% Ontario và Quebec

• 35% Toronto, Montreal, Vancouver

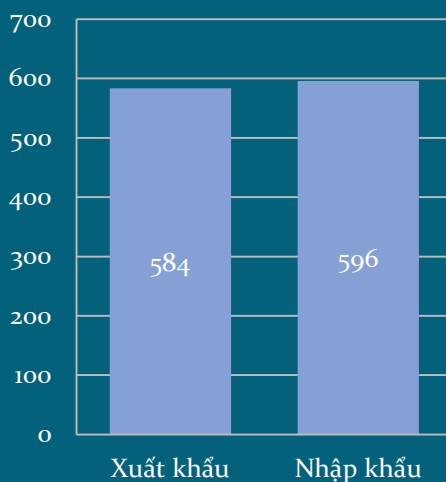
Thông tin cơ bản

Tiếng mẹ đẻ

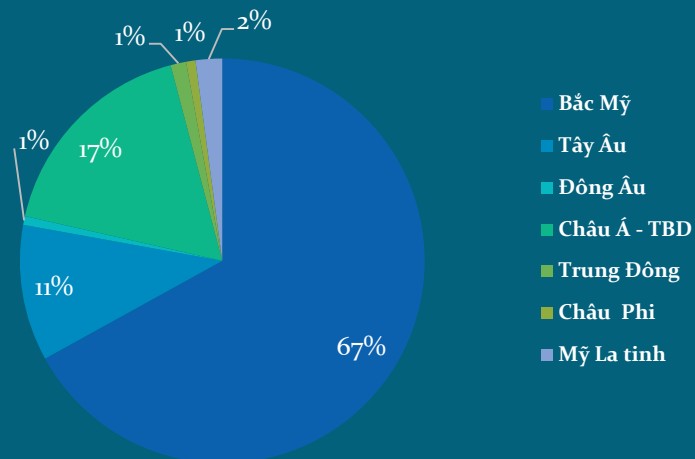


- Tốc độ tăng GDP: 1,8%
- Chỉ số lạm phát: 2,3%
- GDP/người: 58.000 CAD
- CAD = 0,75 USD

Xuất nhập khẩu (tỷ CAD)



Đối tác thương mại

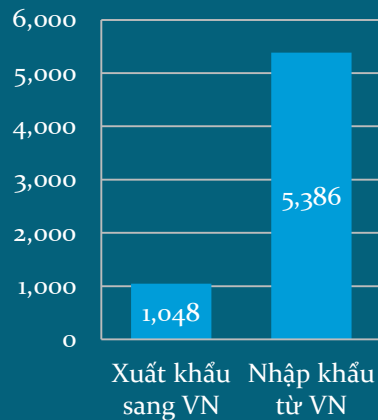


Số liệu cơ bản

- Thiên về nhập khẩu
 - So với Mỹ: 1/10 dân số và GDP, gấp 2 nhập khẩu/người
- Nhu cầu đa dạng
 - 1/5 người nhập cư
 - 60% người gốc Á (gần đây)
- Tự do thương mại
 - ??? FTA
 - Ưu đãi nước kém và đang phát triển

Việt Nam - Canada

Thương mại
Canada - Việt Nam
(triệu CAD)



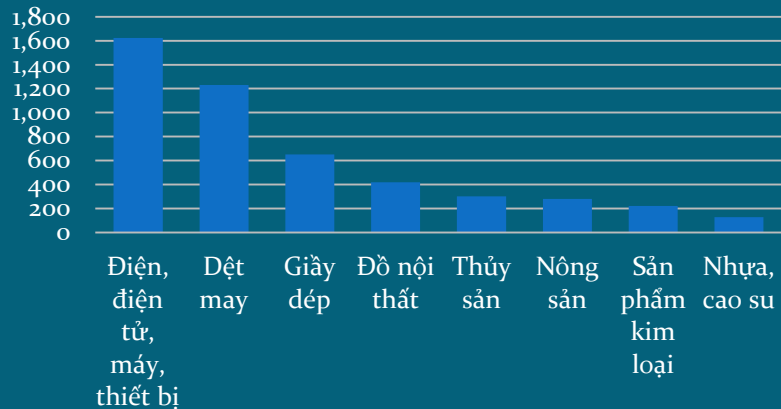
Việt Nam

- Số 1 ASEAN
- Số 5 Châu Á
(Sau: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan)
- Số 16 thế giới
- 0,9% nhập khẩu

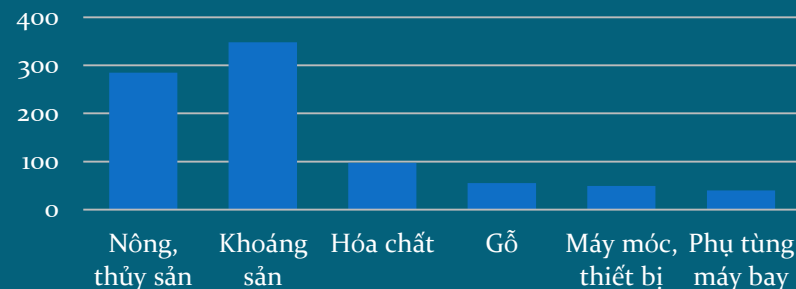
Người Việt tại Canada

- 200.000 người định cư
- 20.000 học sinh, sinh viên

Canada nhập khẩu từ Việt Nam
(triệu CAD)



Canada xuất khẩu sang Việt Nam
(triệu CAD)



Mặt hàng có khả năng cạnh tranh

Stt	Mặt hàng	2018 (triệu CAD)	Tăng, giảm (%)	Thị phần nhập khẩu (%)	Các nước khác
1	Dệt may	1,213	18.6%	6.6%	China (34%), Bangladesh (8.5%), Cambodia (6.6%)
2	Giày dép	652	12.9%	19.5%	China (38.7%), Italy (7.4%), Cambodia (4.4%)
3	Điện thoại di động	556	-19,0%	7.8%	China (80.7%), Korea (10.4%)
4	Đồ nội thất	420	5.7%	3.5%	China (36.8%), America (32.8%), Mexico (12%)
5	Tôm	200	6.6%	31.1%	India (26,3%), China (15,5%), Thailand (14,3%)
6	Hạt điều	143	14.8%	80.8%	Brazil (8,8%), India (6,3%)

DU' ĐỊA CHO HÀNG XK

- VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG CA-NA-ĐA

STT	MẶT HÀNG	NK CỦA CANADA TỪ THẾ GIỚI (tỷ USD)	NK CỦA CANADA TỪ VIỆT NAM (tỷ USD)	TỶ LỆ % SO VỚI NK CỦA CANADA TỪ TG (tỷ USD)
1	Dệt may	11,7	0,81	6,9%
2	Điện thoại và linh kiện	10,8	0,62	5,7%
3	Giày dép các loại	2,5	0,4	15,6%
4	Thủy sản	2,9	0,2	6,9%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	12,1	0,2	1,6%
6	Máy vi tính	9,4	0,3	2,8%

- Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Hải quan và Trade map

Kim ngạch song phương

Bảng 1- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 5 năm (2016-2020)

(Đơn vị tính: triệu USD. Nguồn: Thống kê Canada)

Năm	Xuất khẩu của Việt Nam		Nhập khẩu của Việt Nam		Tổng kim ngạch	
	sang Canada		từ Canada			
	Trị giá	Tăng/Giảm	Trị giá	Tăng/Giảm	Trị giá	Tăng/Giảm (%)
	(triệu USD)		(triệu USD)		(triệu USD)	
2016	3.812	+21,10%	385,4	-20,00%	4.197	+15,76
2017	3.911	+2,60%	782	+ 102,80%	4.692	+11,80
2018	4.144	+6,00%	806	+ 3,14%	4.950	+5,49
2019	5.375	+29,70%	738,5	- 8,40%	6.114	+23,51
2020	6.265	+16,50%	547,6	- 22,00%	6.814	+11,45

** Ghi chú: Quy đổi từ số liệu Hải quan Canada theo tỷ giá 1 USD=1,3 CAD*

Stt	Mặt hàng	Trị giá XK 2020	Trị giá XK 2019	Tăng/giảm so 2019
	Tổng số	6.265	5.375	16,55%
1	Thủy sản	255,9	236,1	8,10%
	- Đông lạnh, làm mát	162,0	162,3	-0,20%
	- Chế biến	93,9	74,3	26,00%
2.	Sản phẩm nông nghiệp			
	- Hạt điều	76,5	82,3	-7,10%
	- Chè, cà phê	18,5	17,1	8,50%
	- Gạo	9,5	8,6	9,2%
	- Rau quả	22	20	10%
3	Nhựa và cao su	129	103	+ 25%
4	Dệt may	1.102,2	1.510,8	-4,2%
5	Giày dép	470,8	555,6	-15,20%
6	Túi xách	108,5	151	-28%
7	Sắt thép và kim loại cơ bản	252,9	260	-2,70%
8	Máy móc, thiết bị điện, điện tử	2.784,6	1.904,6	46,20%
	- Máy móc	513,8	376,9	36,0%
	- Thiết bị điện tử	2.271,5	1.527,7	48,6%
	+ Điện thoại di động	1.110,8	831	33,7%
9	Xe đạp, phụ tùng xe đạp và xe máy	92,3	61,5	50%
10	Sản phẩm nội thất	446,2	376,2	18,7%
11	Đồ chơi	141,0	103	35,8%

Stt	Mặt hàng	Trị giá XK 2020	Trị giá XK 2019	Tăng/giảm so 2019
	Tổng số	722	738,5	-22%
1	Thủy sản	39,4	54,2	-27%
2	Thịt và sản phẩm thịt	77,3	27,5	180%
3	Sữa và sản phẩm sữa	20,7	9,4	124%
4	Ngũ cốc	64,7	95,6	-32,3%
5	Thức ăn chăn nuôi	10,7	38,2	-72%
6	Than	22	207	-89%
7	Phân bón	48	31,5	52%
8	Gỗ và sản phẩm gỗ	55,9	46,6	20%
9	Sắt thép và kim loại cơ bản	23,8	23,8	0%
10	Máy móc, thiết bị điện, điện tử	38,6	39,3	-1,78%

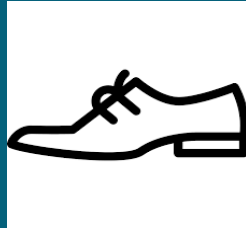
Xuất nhập khẩu 2020

- Năm 2020 vẫn là năm thành công của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Canada, kim ngạch xuất nhập khẩu 02 chiều đạt trên 6,8 tỷ USD, tăng 11,5%. Trong đó, xuất khẩu của Việt Nam 6,3 tỷ USD, tăng 12,8%
- Về xuất khẩu, nhóm hàng thiết bị điện, điện tử (đặc biệt là điện thoại di động) có vai trò chính trong phần gia tăng xuất khẩu của Việt Nam sang Canada (giá trị xuất khẩu năm 2020 khoảng 2,2 tỷ USD, tăng 49%). Ngoài ra, một số nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng khá như thủy sản chế biến, chè, cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, nhựa và cao su, kim loại cơ bản
- Một số nhóm hàng xuất khẩu chính bị ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch nên có tốc độ tăng trưởng âm như dệt may (-6,7%), túi xách |(-28%); giày dép (-15%)

Cơ hội cho Việt Nam - CPTPP



Dệt may
17/18% -> 0%
0-3 năm



Giày dép
8-18% -> 0%
0 năm + ngoại lệ



Túi xách
7-11% - 0%
0 năm



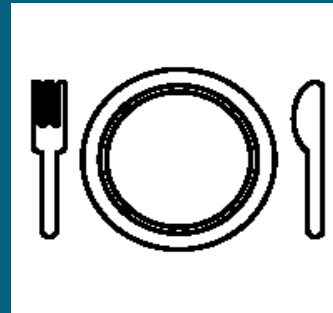
Nội thất
9,5% -> 0%
0 năm, 7 năm (ít)



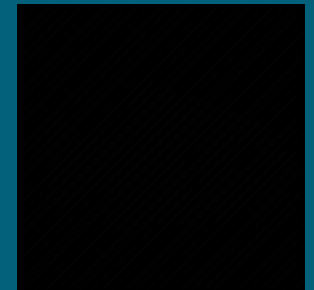
Sản phẩm kim loại
2,5-8% -> 0%
0 năm



Sản phẩm nhựa,
cao su
6,5% -> 0%
0 năm



Thủ công mỹ nghệ
6,5-11% -> 0%
0 năm



Nông sản, thủy sản
0-6% -> 0%
0 năm

THUẾ VÀ CAM KẾT CPTPP

CAM KẾT THUẾ HIỆN HÀNH CỦA **CA-NA-ĐA** VÀ CAM KẾT THEO HIỆP ĐỊNH CPTPP

STT	MẶT HÀNG	THUẾ MFN	THUẾ TRONG CPTPP	NHẬN XÉT
1	Dệt may	0-18%	100% xóa bỏ vào năm thứ 4, 43% thuế về 0% ngay khi HĐ có hiệu lực	TIỀM NĂNG LỚN
2	Điện thoại và linh kiện	0%	0%	
3	Giày dép các loại	0-18%	67% kim ngạch xóa bỏ thuế ngay khi HĐ có hiệu lực, 12% vào năm thứ 7...	TIỀM NĂNG LỚN
4	Máy vi tính	0%	0%	
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	0-9,5%	Xóa bỏ ngay khi HĐ có hiệu lực	TIỀM NĂNG KHẢ
6	Thủy sản	0-9%	Xóa bỏ ngay khi HĐ có hiệu lực	TIỀM NĂNG KHẢ

Hỗ trợ của Canada trong CPTPP

1. Phi dự án/ Hỗ trợ kỹ thuật “Fostering Inclusive and Sustainable Economic Growth: Making the CPTPP work for Vietnamese SME”

- HTKT do Dự án Hỗ trợ Thương mại và Đầu tư vì Phát triển Canada (CTIF) dưới sự quản lý của GAC tài trợ với trị giá 260.208 CAD (tương đương với 192.423 USD).
- HTKT tập trung nâng cao năng lực vào 03 nhóm hàng hóa cơ bản: dệt may, nông sản/thủy sản, đồ gỗ/thủ công mỹ nghệ.
- Các hoạt động chính của HTKT gồm:

-

Bộ Công Thương đầu mối

- 1. Nghiên cứu cơ hội và thách thức CPTPP đối với Việt Nam đặc biệt là các SMEs và xây dựng cuối Sách hướng dẫn cho doanh nghiệp;
- 2. Đào tạo 10 cán bộ các Bộ ngành, đại diện Hiệp hội tại Canada (là các Master TOTs, sau này, sẽ đào tạo cho 300 SMEs và tư vấn 1:1 cho 45 doanh nghiệp);
- 3. Đào tạo lại 20 cán bộ các Bộ, ngành và Hiệp hội tại Việt Nam (10 master TOT dưới sự hướng dẫn của chuyên gia quốc tế sẽ đào tạo lại 20 TOT khác tại Hà Nội;
- 4. Đào tạo 300 SME tại Thành phố HCM và Cần Thơ (3 hội thảo cho DN từ 3 nhóm hàng hóa của TA);
- 5. Trên cơ sở 300 DN chọn ra 45 doanh nghiệp để chuyên gia quốc tế và chuyên gia VN đào tạo/ tư vấn 1:1
- Hiện nay, HTKT đã hoàn tất thủ tục tuyển và ký hợp đồng tư vấn, điều phối dự án; tuyển chọn 10 master TOT cử đi đào tạo tại Canada; đang tiến hành nghiên cứu và xây dựng Sách hướng dẫn doanh nghiệp và nội dung đào tạo.

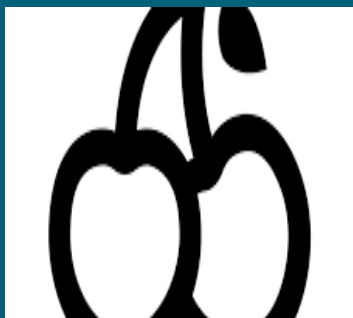
Hỗ trợ kỹ thuật “Nâng cao năng lực thương vụ Việt Nam tại nước ngoài”

thuộc Dự án Expert Deployment Mechanism for Trade and Development (EDM)

Các hoạt động chính của HTKT bao gồm:

- Đánh giá thực trạng năng lực về hệ thống, nhân sự của thương vụ Việt Nam tại nước ngoài và xây dựng giải pháp nâng cao năng lực;
- Đào tạo trực tiếp (theo khu vực) hoặc tại Hội nghị Tham tán tại Việt Nam (tổ chức 2 năm/ lần) và đào tạo online về nghiệp vụ tham tán và về các kỹ năng mềm;
- Thiết lập hệ thống đào tạo online về nghiệp vụ tham tán và về các kỹ năng mềm;
- Xây dựng (i) bộ công cụ quản lý hệ thống thương vụ cho Bộ Công Thương; (ii) hệ thống dữ liệu về chính sách thị trường ngoài nước, thông tin tình hình kinh tế trong nước và nước ngoài, các hiệp định thương mại song phương, và các thông tin liên quan đến hoạt động thương vụ.

Cơ hội hợp tác với Canada



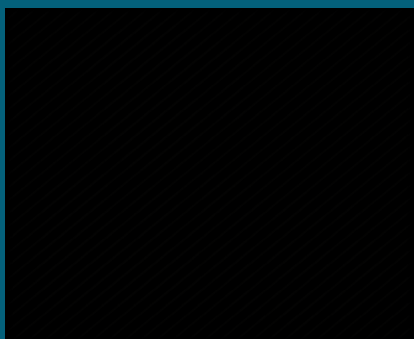
Nông nghiệp



Cơ sở hạ tầng



Công nghệ sạch



Giáo dục



Thiết bị y tế



Công nghệ thông tin

Tiếp cận thị trường Canada

- Thị trường cạnh tranh và độ mở cao;
- Điều chỉnh bởi WTO, GSP, CPTPP;
- Đối tác chính: nhà nhập khẩu, phân phối, đại lý, bán lẻ
- Quy định về nhập khẩu chặt: tiêu chuẩn ngành, hạn ngạch thuế quan (sữa, gia cầm), an toàn thực phẩm, nhãn mác, đóng gói ...

Thị trường thực phẩm

- ✓ 1. Quan tâm đến sản phẩm mới
- ✓ 2. Đa dạng sắc tộc của người Canada
- ✓ 3. Thực phẩm lành mạnh – Healthy food
- ✓ 4. Phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu
- ✓ 5. An toàn trong chuỗi cung ứng: tiêu chuẩn và truy xuất nguồn gốc
- ✓ 6. Thị trường cho các sản phẩm hữu cơ đang phát triển
- ✓ 7. Mọi quan tâm về môi trường: tính bền vững, bao bì
- ✓ 8. Các chuỗi cung ứng với sự đa dạng và khối lượng các loại thực phẩm 'lạ', dân tộc và sành ăn
- ✓ 9. Tiết kiệm thời gian và tiện lợi

Tiêu thụ thủy hải sản

Tổng sản lượng cá và hải sản của Canada: 4,4 tỷ \$.

- Thương mại: Xuất khẩu 4,2 tỷ \$. Nhập khẩu 3,5 tỷ \$.
- Canada là nước xuất khẩu cá và hải sản lớn thứ 6 thế giới
- Canada nhập khẩu 3,5 tỷ \$ cá và các sản phẩm thủy sản
79% tổng sản lượng cá và hải sản của Canada được xuất khẩu
- 73% thị trường trong nước là nhập khẩu

Thói quen / Xu hướng của Người tiêu dùng Canada

- Mức tiêu thụ: 7,5 kg/người
- Bao gồm:
- 2,8 kg cá biển tươi và đông lạnh
- 2,6 kg cá biển chế biến
- 1,2 kg động vật có vỏ
- 0,9 Kg cá nước ngọt



Nhu cầu/thị hiếu

Người tiêu dùng Canada

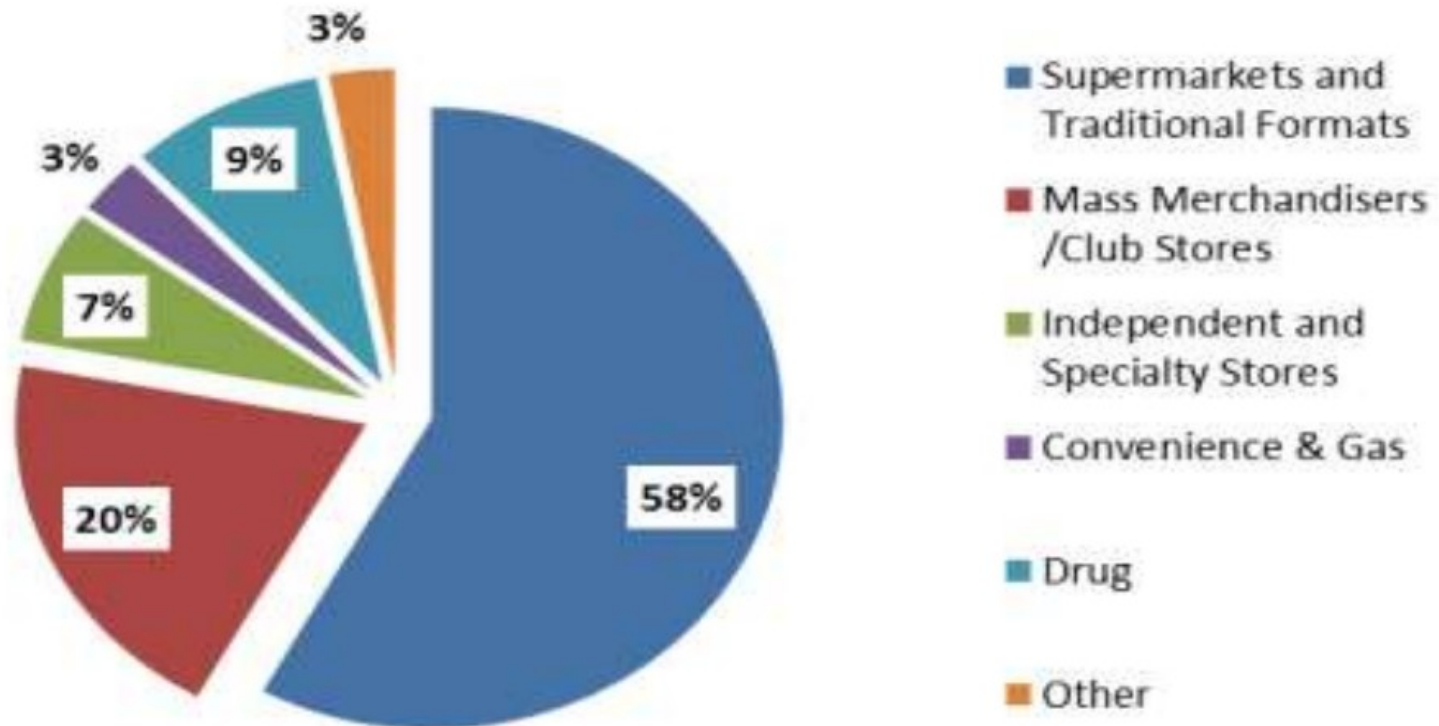
- 30% là người yêu thích hải sản
- 50% thỉnh thoảng ăn hải sản
- 20% không ăn hải sản: lo ngại về an toàn và chất lượng của cá và hải sản nuôi

TỔNG THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN: 2 YẾU TỐ CHÍNH

- Các mối quan tâm về dinh dưỡng và sức khỏe - phát triển với dân số già.
- Xu hướng nhập cư mạnh: Châu Á (yêu thích hải sản)

Thị phần kênh bán lẻ ở Canada

The Canadian Food Market: Share of market by retail channels in Canada



Source: Canadian Grocery Market Overview

Sản phẩm tôm chế biến

Costco Wholesale

Visual tour of current imports from Asia..... Cooked shrimps



Sản phẩm của Việt Nam

Costco Wholesale

Visual tour of current imports from Asia..... **Basa Loins**



Thực tiễn Thương mại & Quy định của Canada

- Cơ quan Liên bang Canada
- Quy định của CFIA: Bao bì
- Quy định của CFIA: Danh sách thành phần và Ghi nhãn dinh dưỡng
- Hình minh họa bao bì của một số sản phẩm Thực phẩm của Canada
- Các thủ tục đánh giá phù hợp: Chứng nhận và Tiêu chuẩn công nghiệp tự nguyện
- Kết luận: Khung quy định hiện hành của Canada đối với nhập khẩu thực phẩm ở Canada và các trang web chính

Đạo luật Thực phẩm & Dược phẩm - Cơ quan Liên bang

Có 2 Cơ quan Liên bang khác quản lý Thực phẩm ở Canada:

1. Cơ quan Y tế Công cộng của Canada

Cơ quan Y tế Công cộng của Canada trao quyền cho người dân Canada để cải thiện sức khỏe. Hợp tác với những người khác, các hoạt động tập trung vào việc ngăn ngừa bệnh tật và thương tích, thúc đẩy sức khỏe thể chất và tinh thần tốt, và cung cấp thông tin để hỗ trợ ra quyết định sáng suốt.

2. Bộ Y tế Canada chịu trách nhiệm thiết lập các tiêu chuẩn về sự an toàn và chất lượng dinh dưỡng của tất cả các loại thực phẩm được bán ở Canada. Bộ thực hiện điều này ủy thác theo thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm và Thuốc và theo đuổi các quy định của nó ủy nhiệm theo Quy định Thực phẩm và Dược phẩm.

- Lưu ý: Bộ Y tế Canada - nghiên cứu lâm sàng có thể được yêu cầu.

Trách nhiệm về an toàn thực phẩm

Shared responsibility for food safety



Canada

CFIA • ACIA



International Partners	Provincial/ Territorial/ municipal agencies	Federal partners	CFIA	Industry	Consumers
Set import requirements, provide export requirements. Comparability and acceptance of food systems Global food supply – market and trade requirements	Enforce food safety laws within their jurisdiction, inspection, public health and food safety surveillance	PHAC leads public health surveillance and outbreak investigations when more than one P/T or country involved. Health Canada develops health policies and standards and conducts health risk assessments	Delivers federal food inspection programs. Investigates foods linked to illness outbreaks. Initiates food recalls.	Responsible for the production of safe food in compliance with government standards.	Responsible for safe food handling and preparation

Quy định an toàn thực phẩm

- Nghiêm ngặt: an ninh, chất lượng, bảo vệ sức khỏe, các vấn đề nhập khẩu truy xuất nguồn gốc
- Xử lý sản phẩm (quy định vệ sinh thực vật)
- Vận chuyển (đóng gói bằng gỗ [thùng]) Truy cập trang web CFIA Quy định - An toàn thực phẩm
- Quy định mới An toàn thực phẩm – Tất cả nhà nhập khẩu thực phẩm phải đăng ký với cơ quan Kiểm tra An toàn thực phẩm

Quy định

- Nhập khẩu thủy sản phải qua kiểm tra:
- Phân tích tiêu chuẩn Kiểm tra bao bì, nhãn và sản phẩm để xác định sự tuân thủ Các yêu cầu của Canada về đánh dấu mã, đóng gói, ghi nhãn, nội dung, các khuyết tật sản xuất như tạp chất lạ hoặc ký sinh trùng, tính lành mạnh, thành phần và tính toàn vẹn...
- Phân tích chuyên biệt Phân tích vi sinh và hóa học thích hợp để xác minh tính an toàn của sản phẩm.

Yêu cầu

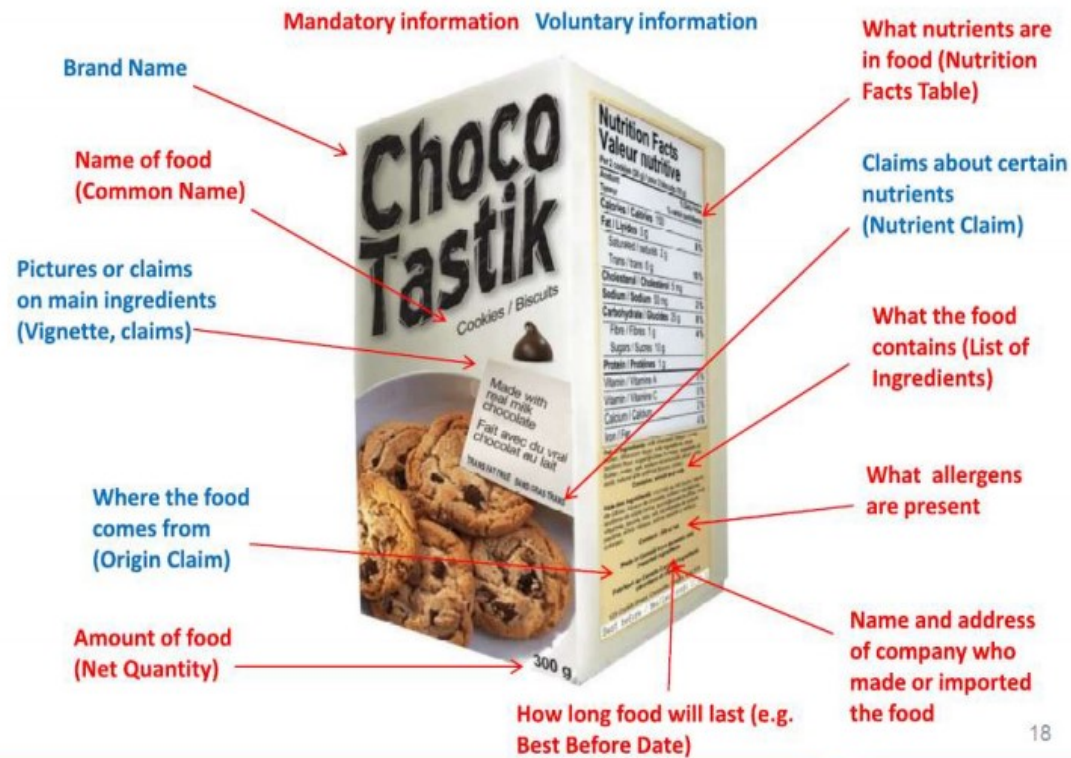
- Tài liệu Các nhà cung cấp phải đảm bảo rằng các nhà nhập khẩu có giấy phép nhập khẩu hợp lệ do CFIA cấp trước khi vận chuyển sản phẩm.
- Một trong ba loại giấy phép, mỗi loại có giá trị trong 12 tháng, xác định mức độ nhà nhập khẩu:
 - Người có Giấy phép Nhập khẩu Cá: Một nhà nhập khẩu thủy sản đáp ứng Các yêu cầu của CFIA đối với việc thu hồi, khiếu nại và kiểm soát quá trình;
 - Nhà nhập khẩu QPMI chung: Nhà nhập khẩu theo Chất lượng Chương trình quản lý cho các nhà nhập khẩu (QPMI), sẽ tiến hành phân tích tiêu chuẩn về nhập khẩu và gửi tất cả các b/c cho CFIA;
 - Nhà nhập khẩu QPMI nâng cao: Nhà nhập khẩu, theo QPMI, sẽ tiến hành tất cả các phân tích tiêu chuẩn và chuyên ngành nhập khẩu và gửi các tài liệu của họ cho CFIA.

Yêu cầu Nhãn mác

- Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) Yêu cầu đóng gói thực phẩm:
- Hướng dẫn bảo quản • Nếu sản phẩm nhạy cảm với thời gian: Cung cấp được đóng gói vào Ngày /...sử dụng trước__ Ngày / Ngày hết hạn
- Ghi rõ người sử dụng/ Hướng dẫn đối Trẻ con
- • Việc ghi nhãn không bị bong/hỏng khi sản phẩm được mở ra (ngoại trừ các hộp đựng sử dụng một lần)
- Mức cho phép chiếu xạ / hàm lượng của các thành phần được chiếu xạ không vượt quá 10% thực phẩm cuối cùng
- Bảng Thành phần Dinh dưỡng (NFT) trên bao bì bên ngoài để đọc phải ở một vị trí an toàn không bị hư hỏng

Nhãn mác

The Current Canadian Label



Quy định nhập khẩu

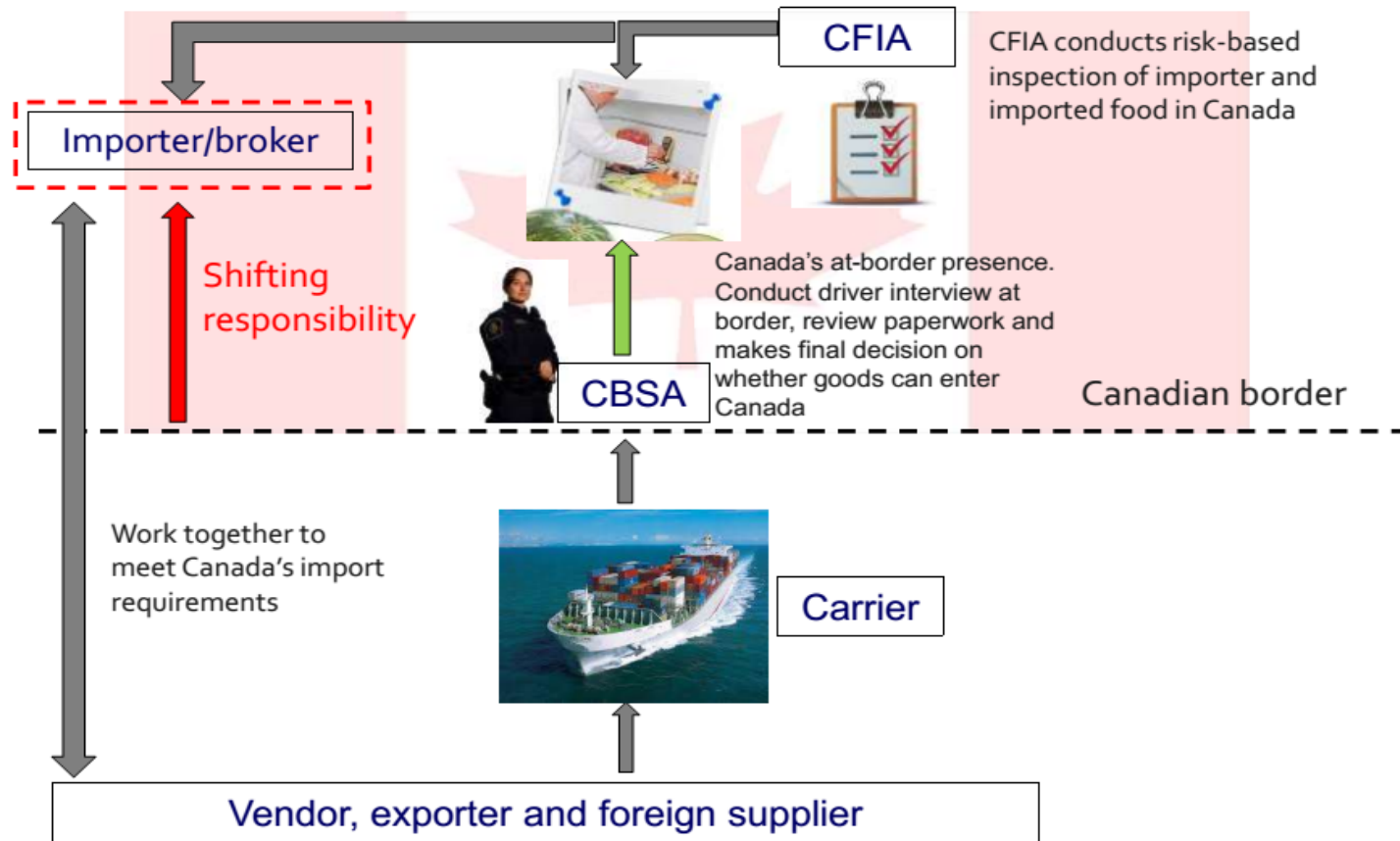
- Nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo thực phẩm chúng nhập khẩu vào Canada an toàn và đáp ứng tất cả yêu cầu quy định hiện hành
- Luật Thực phẩm và Thuốc và Quy định Thực phẩm và Thuốc • www.laws.justice.gc.ca
 - Đạo luật và Quy định về Bao bì và Ghi nhãn dành cho Người tiêu dùng • Công cụ ghi nhãn ngành (www.inspection.gc.ca)
- Đối với 'sản phẩm thực phẩm không đăng ký' (ví dụ: cà phê, trà, gia vị, các loại hạt, ngũ cốc, dầu thực vật, trái cây sấy khô, bánh kẹo), hiện không có yêu cầu xin phép CFIA
- Lưu ý: bất kỳ yêu cầu nhập khẩu thương mại từ Cơ quan phụ trách Biên giới Canada (CBSA) vẫn áp dụng

Yêu cầu hợp tác

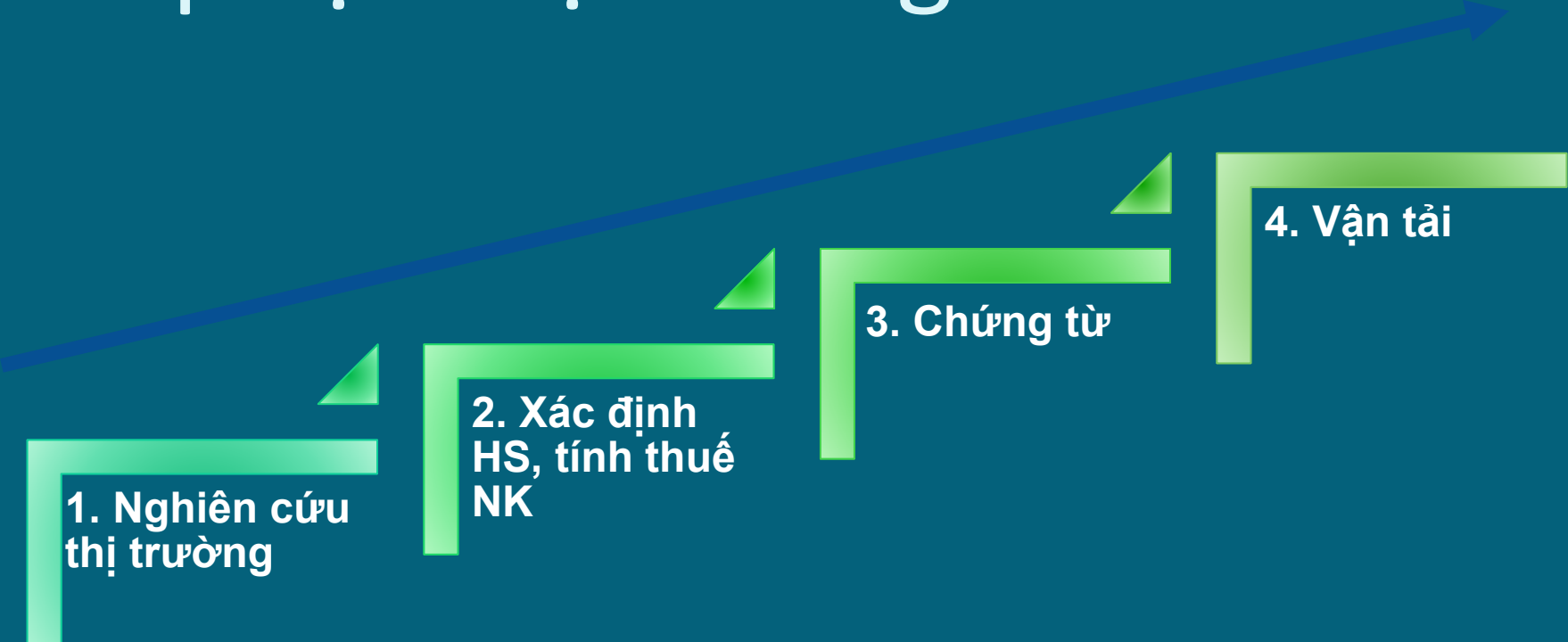
- Các nhà xuất khẩu và nhà cung cấp nước ngoài nên làm việc với nhà nhập khẩu:
- Hiểu các yêu cầu để nhập khẩu vào Canada; và
- Xác định bất kỳ yêu cầu nào của Canada có thể chỉ áp dụng với 1 số đối tác thương mại nước ngoài;
- Ví dụ:
 - Khai báo tất cả các thành phần, bao gồm cả chất phụ gia nếu được sử dụng, ví dụ: sulphites
 - Ghi nhãn bằng tiếng Anh và tiếng Pháp (bắt buộc)
 - Phụ gia thực phẩm được chấp thuận ở Canada
 - Tiêu chuẩn hạng Canada
 - Giới hạn hàm lượng thuốc trừ sâu ở Canada

Trách nhiệm phối hợp

Roles and responsibilities in food import



Tiếp cận thị trường Canada



1. Nghiên cứu thị trường

2. Xác định HS, tính thuế NK

3. Chứng từ

4. Vận tải

Chiến lược tiếp cận thị trường

Nghiên cứu nhu
cầu thị trường

- Quy mô thị trường
- Xu hướng và cơ hội
- Kênh phân phối
- Giá cạnh tranh

Tìm hiểu quy định
về Môi trường của
Canada

- Hạn ngạch, giấy phép, tiêu chuẩn
- Luật tỉnh/bang, Danh mục cấm
- Quy định chặt chẽ về đóng gói
- Thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm

Xác định người
mua/nhập khẩu
tiềm năng

- Danh mục DNNK
- Hiệp hội, Phòng TMCN
Thương vụ
- Ngân hàng, DN vận tải
- Hội chợ, triển lãm

Quy định của Canada

Hàng hóa	Quy định chính	Cơ quan phụ trách
Thực phẩm, vật nuôi, cây trồng Nhãn thực phẩm, thu hồi thực phẩm Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng	• Luật An toàn Thực phẩm mới • Luật ghi nhãn và đóng gói hàng tiêu dùng • Luật Phân bón	Cơ quan Kiểm tra Thực phẩm Canada Canadian Food Inspection Agency www.inspection.gc.ca
Ghi nhãn hàng dệt may Ghi nhãn kim loại quý Ghi nhãn và đóng gói đối với sản phẩm phi thực phẩm	• Luật Cạnh tranh • Luật ghi nhãn Dệt may • Luật Ghi nhãn và đóng gói hàng tiêu dùng	Tổng cục Cạnh tranh Competition Bureau www.competitionbureau.gc.ca
Hàng tiêu dùng, thuốc, thực phẩm, thiết bị y tế, sản phẩm sức khỏe, thuốc trừ sâu, dược phẩm, vitamin ...	• Luật về An toàn đối với Hàng tiêu dùng • Luật an toàn thực phẩm	Bộ Y tế Health Canada www.hc-sc.gc.ca
Sản phẩm nông nghiệp, vũ khí, hàng cấm vận, thép, dệt may	• Luật giấy phép xuất nhập khẩu	Bộ Ngoại giao, Thương mại và Phát triển www.international.gc.ca

Tra cứu nhà nhập khẩu

Home → ...

→ [International trade data and market intelligence](#)

→ [Canadian Importers Database](#)

Canadian Importers Database

Generate reports by product

Importers by product

The Canadian Importers Database provides summary reports and lists of companies importing goods into Canada.

► Overview

► List by city

► List by country

► Related sites and information

030432 - Catfish (Fresh, or Chilled) (Fish Fillets) - Canadian Importers Database (CID)

[List by city](#) | [List by country](#) | [Help](#)

► Search for a product

Return to search results

By countries

All countries

[All countries \(product details\)](#)

Market concentration & Major Canadian importers

Market concentration

Number of importers	Value of imports (\$CDN)	C
5	4,134,471	78
All	5,245,177	10

Major Canadian importers 2 in 2017

Company name (alphabetical order)  	City  	Province  	Postal code  
CALKINS & BURKE LIMITED	Vancouver	British Columbia	V6G 2Z6
CHINOOK TRADING CO. LTD.	Richmond	British Columbia	V6X 1Z7
EXPORT PACKERS SEAFOOD LIMITED	Brampton	Ontario	L6S 5X8
PREMIER MARINE CANADA INC.	Woodbridge	Ontario	L4H 3M3
VIETNAM CENTRE INC.	Unionville	Ontario	L3R 4P8

Companies with addresses in:

Territories

Display

[to excel](#)

Tra cứu trực tuyến quy định nhập khẩu

Automated Import Reference System (AIRS)

www.inspection.gc.ca/airs

- Giấy phép
- Chứng từ nhập khẩu
- Biểu mẫu khai báo v.v...
- Đường dẫn đến quy định của Canada

Một số hội chợ tại Canada

Thực phẩm

SIAL Canada
www.sialcanada.com

Canadian Produce Marketing
Association
www.cpma.ca

Canadian Food and Beverage Show
www.crfa.ca

Thủ công mỹ nghệ

Canadian Gift Association - Gift Show
www.cangift.org

Dệt May, Giày dép

Appareal Textile Sourcing Show
www.apparealtextilesourcing.com

Toronto Shoe Show
www.torontoshoeshow.com

Thuế nhập khẩu vào Canada

www.cbsa-asfc.gc.ca

Tariff Item	SS	Description of Goods	Unit of Meas.	MFN Tariff	Applicable Preferential Tariffs
6208.29.00	00	-Of other textile materials	NMB	16%	LDCT, UST, MT, CIAT, CT, CRT, IT, NT, SLT, PT, COLT, JT, PAT, HNT, KRT, CEUT, UAT, CPTPT: Free, GPT: 10%
-Other:					
6208.91.00	00	-Of cotton	NMB	17%	LDCT, UST, MT, CIAT, CT, CRT, IT, NT, SLT, PT, COLT, JT, PAT, HNT, KRT, CEUT, UAT: Free, CPTPT: 8.5%
6208.92.00	00	-Of man-made fibres	NMB	18%	LDCT, UST, MT, CIAT, CT, CRT, IT, NT, SLT, PT, COLT, JT, PAT, HNT, KRT, CEUT, UAT: Free, AUT: 11%, NZT: 11%, CPTPT: 9%
6208.99.00	00	-Of other textile materials	NMB	16%	LDCT, UST, MT, CIAT, CT, CRT, IT, NT, SLT, PT, COLT, JT, PAT, HNT, KRT, CEUT, UAT, CPTPT: Free, GPT: 10%

Mã HS

Biểu cam kết xóa bỏ thuế NK

<https://international.gc.ca>

Consolidated TPP Text – Tariff Schedule of Canada – Part 4

Canada Tariff Elimination Schedule - Part 4

Tariff Line	Description	Base Rate	Staging Category	Remarks	Year 1	Year 2	Year 3	Year 4	Year 5	Year 6	Year 7	Year 8	Year 9	Year 10	Year 11	Year 12 and subsequent years
4205.00.00	Other articles of leather or of composition leather.	Free	EIF		Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free
4206.00.10	Catgut	Free	EIF		Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free
4206.00.90	Other	6.5%	EIF		Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free
4301.10.00	Of mink, whole, with or without head, tail or paws	Free	EIF		Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free
4301.30.00	Of lamb, the following: Astrakhan, Broadtail, Caracul, Persian and similar lamb, Indian, Chinese, Mongolian or Tibetan lamb, whole, with or without head, tail or paws	Free	EIF		Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free	Free

Mã HS

Các mặt hàng chính

Seafood



Coffee



Spices



Nuts



Rice

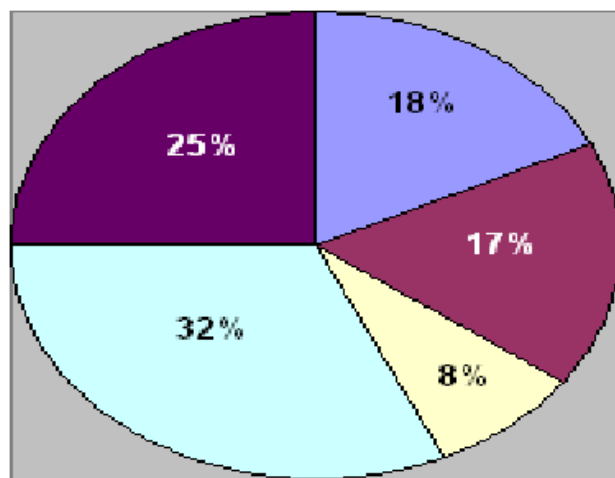


Cơ hội xuất khẩu sang Canada

Vietnam Exporting Opportunities to Canada

Total Imports of Fishery and Seafood Products imported in Canada

3.5 Billions Can \$



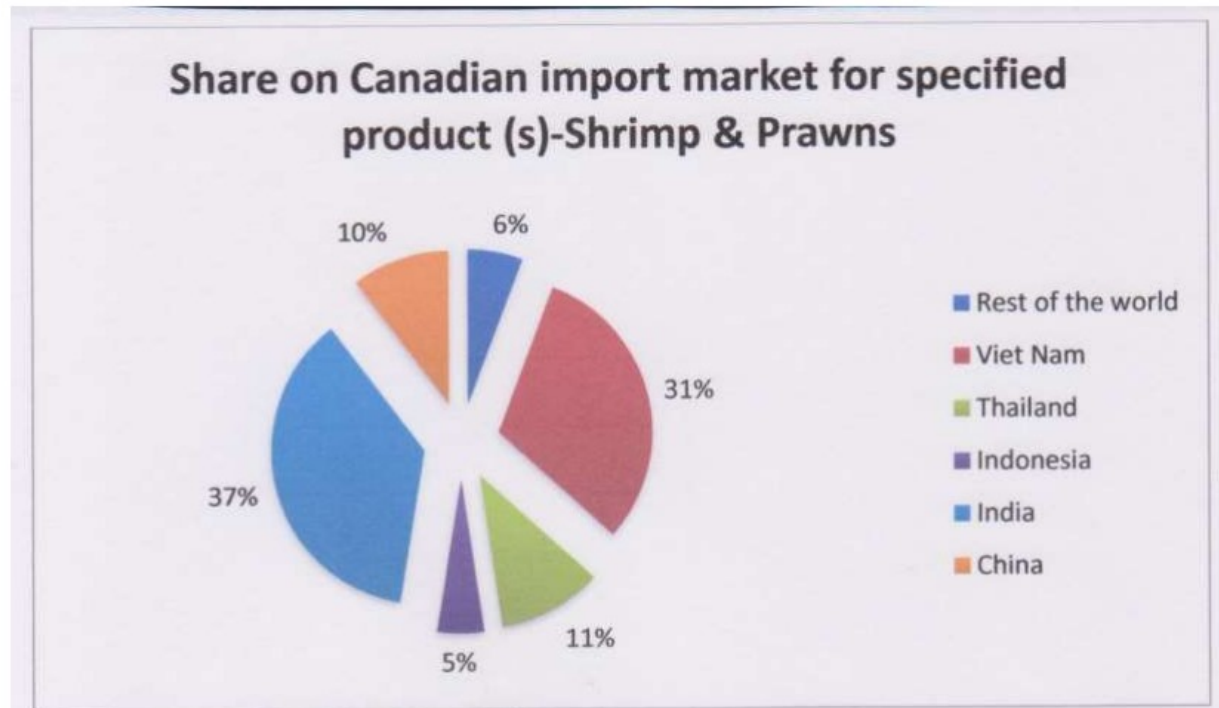
- Fish
- Fish Fillets and Meats
- Molluscs
- Crustaceans
- Other processed Fish and Seafood

Thế mạnh

- Thủy sản Thủy sản là ngành xuất khẩu lương thực lớn thứ hai của Việt Nam (sau gạo) và xuất khẩu lương thực lớn nhất sang Canada.
- Bao gồm tôm 235 triệu \$ và cá tra, còn được gọi là cá basa hoặc cá da trơn 76 triệu \$ và 1 số SP khác.

tôm

SHRIMPS



Source: ITC Trade Map 2020

Tiềm năng khai thác

- Cơ hội xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Canada
- ➤ Thị trường tiêu thụ thủy sản ngày càng phát triển
- ➤ Tiêu thụ cá bình quân đầu người thấp
- ➤ Người Canada thích tôm
- ➤ Thị trường châu Á quan trọng
- ➤ Sản phẩm chính: Cá và tôm đông lạnh, thực phẩm chế biến sẵn và cá ngừ đóng hộp
- ➤ Giá trị gia tăng cao cấp
- ➤ Đây là một thị trường xuất khẩu tốt cho Việt Nam

Cà phê

- Ngành cà phê ở Canada
- Ngành công nghiệp 6,2 tỷ USD
- Doanh thu 4,8 tỷ USD trong Dịch vụ thực phẩm
- Doanh thu 1,4 tỷ USD trong Bán hàng tạp hóa / bán lẻ



Cà phê

- Cà phê và Thương mại
- Trong số các thị trường nhập khẩu cà phê truyền thống, Bắc Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản, Canada đang tăng trưởng bền vững nhanh nhất trong thập kỷ qua.
- Hơn 30 nước đang phát triển xuất khẩu cà phê sang Canada.

Hạt các loại

Nuts

HS 0801 - Coconuts, Brazil Nuts, Cashews - Fresh or Dried

Top 5 Suppliers to Canada

By country of origin in million U.S. dollars
(Source Statista 2020)

• USA	474
• Vietnam	125
• Turkey	98
• China	19
• Brazil	15



Hạt tiêu

Spices : HS 90411 Pepper, of the genus Piper

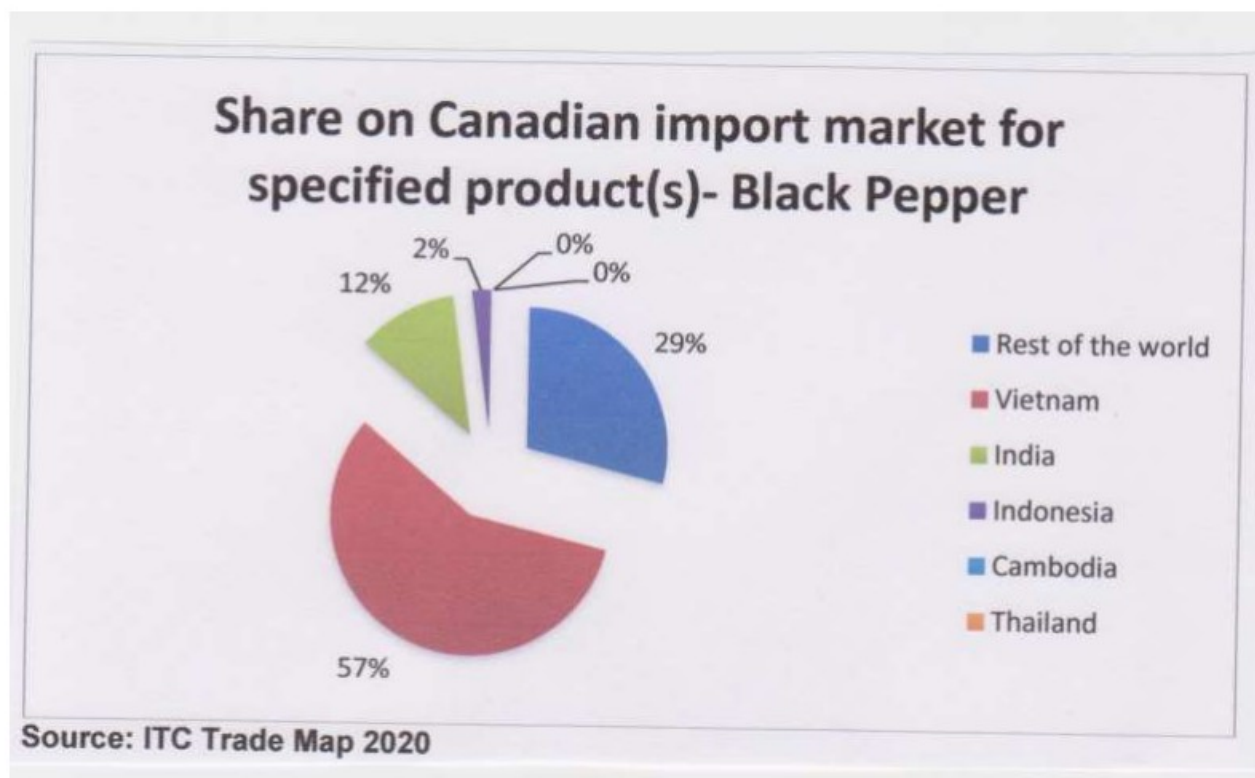
Top 10 countries for August 2019 to which we imported commodity "90411 Pepper, of the genus Piper, neither crushed nor ground" from Canada customs basis, 6-digit commodity level

Rank	Country (Select a country below to view top 10 trade commodities)	2019		2018		2017		2016	
		Quantity (KGM)	Value (CAN\$)	Quantity (KGM)	Value (CAN\$)	Quantity (KGM)	Value (CAN\$)	Quantity (KGM)	Value (CAN\$)
		Trade amount							
Total	World	3,729,525	24,300,010	3,785,877	27,496,351	4,199,513	40,508,515	3,652,410	45,798,233
1	Viet Nam	2,627,677	15,693,433	2,533,244	15,756,840	2,221,042	19,210,540	1,968,298	24,028,362
2	India	179,862	1,950,367	248,892	3,194,010	480,782	6,555,611	574,243	7,317,800
3	Brazil	237,705	1,606,478	344,367	2,589,320	498,497	3,970,292	218,577	2,845,208
4	South Africa, Republic of	60,299	1,132,719	77,269	1,112,765	80,881	1,206,617	66,781	1,428,959
5	China	101,084	1,018,610	116,313	1,870,383	148,722	3,850,589	176,710	3,777,402
6	United States (+Show States)	77,055	586,515	66,119	530,602	194,110	873,483	41,083	433,575
7	Indonesia	70,104	473,059	73,039	603,209	205,305	2,250,991	159,747	2,184,628
8	Ecuador	111,581	401,614	127,960	514,646	80,566	605,846	117,469	1,203,694
9	France	27,799	220,174	26,917	257,657	18,102	208,558	14,248	167,299
10	Dominican Republic	113,117	216,203	48,644	116,100	39,283	85,441	54,472	79,024



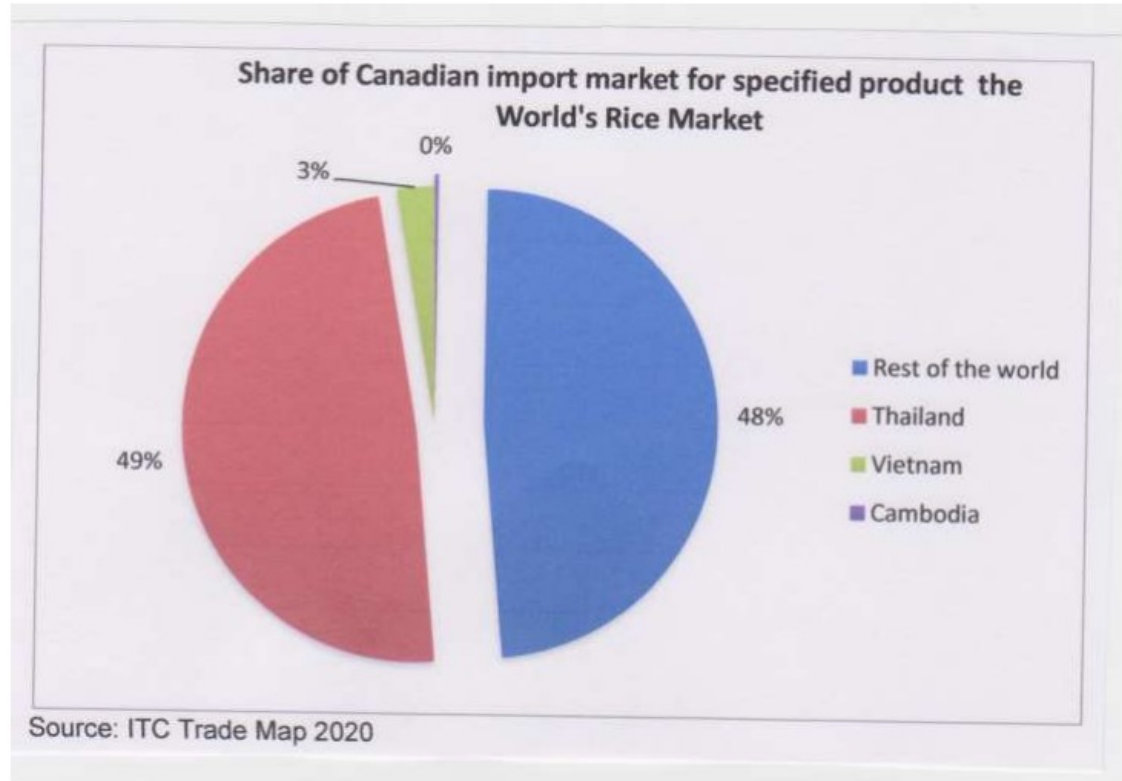
Thị phần hạt tiêu

Spice: Black Pepper



Gạo

Rice



GAO

- THỰC TẾ • Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.
- Xuất khẩu sang Canada: 5 triệu US \$ so với 90 triệu US \$ của Thái Lan!
- TẠI SAO ? ??
- Hàng hóa: Giá nhạy cảm.
- Hầu hết nhập khẩu gạo của Canada đến từ Hoa Kỳ (Thương nhân Lương thực).
- Thái Lan làm tốt hơn rất nhiều đối với Canada so với Việt Nam.
 - Có cơ hội cho Việt Nam: một phần do sự thay đổi nhân khẩu.

Cách thức triển khai

- Chiến lược, Chi phí, Quan hệ đối tác, Lộ trình đến Thị trường
- Sản phẩm của mình trên kệ ở đâu tại Canada: **Phân khúc**
- Chọn các **kênh bán hàng** của bạn (Ví dụ: tạp hóa, đồ ăn nhanh, đồ ăn nhanh, hàng loạt phân phối, cửa hàng hộp...)
- Hay bạn thích thị trường dịch vụ ăn uống hơn?
- Quyết định xem bạn cần nhà phân phối, nhà nhập khẩu hoặc nhà môi giới
- Điều tra sự kết hợp sản phẩm của đối tác tiềm năng
- Phân tích chi phí phát sinh

Kênh hay nhà phân phối

- Vai trò của nhà phân phối
- Có xu hướng lớn hơn một nhà môi giới
- Mua/quản lý hàng hóa và nhập kho sản phẩm
- Cung cấp các mối quan hệ đã thiết lập với các nhà bán lẻ • Các nhà phân phối có thể là người nhận đơn đặt hàng hơn là người điều khiển bán hàng
- Các nhà phân phối có thể mang từ 1.000-10.000 đơn vị hàng;
- Trách nhiệm đối với các sản phẩm có hạn sử dụng
- Nếu sản phẩm không tạo ra doanh số bán hàng, có khả năng bị rút hàng
- Làm việc với tỷ suất lợi nhuận từ 20% -35% so với giá bán buôn

Vai trò của Nhà môi giới

- Không định đoạt sản phẩm
- Phục vụ như một người bán hàng của bạn tại bản địa
- Làm việc với số lượng có hạn và chọn các sản phẩm không xung đột lợi ích
- Tính độc quyền
- Phí PR để mời chào sản phẩm
- Sau khi đạt được mức doanh số thì nhà môi giới chuyển từ người giữ hàng sang phí hoa hồng
- Phí môi giới trung bình là 5%

Xuất khẩu với đối tác hoặc trực tiếp (nhãn hiệu riêng)

- Nhà phân phối / Nhà nhập khẩu - Mua hàng nhập khẩu và trách nhiệm về bán hàng và hậu cần (20% đến 30%).
- Nhà bán buôn - Hỗ trợ nhập khẩu, hậu cần và bán hàng nhưng không chịu trách nhiệm về khuyến mãi (5% đến 10%).
- Người môi giới - Chỉ tạo điều kiện cho nhập khẩu, tức là hỗ trợ các vấn đề hải quan và thương mại danh bạ (0.5% đến 5%).
- Nhà đóng gói lại - Không tạo điều kiện cho nhập khẩu, nhưng xử lý hậu cần và đảm bảo sự phù hợp với quy định đóng gói (có thể thương lượng).
- Nhà bán lẻ (10% đến 50%).

Từ giá sản xuất đến giá bán lẻ

Route to market: From Cost of Goods to Retail Price



LƯU Ý



- NHẢM MỤC TIÊU ĐÚNG THỊ TRƯỜNG
Bán lẻ, Dịch vụ ăn uống, Công nghiệp
- TÌM ĐỐI TÁC TỐT: Nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu, nhà bán lẻ, v.v.
- TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA CANADA - CFIA

Liên hệ thông tin khi cần

Vụ Thị trường Châu Âu-châu Mỹ

Điện thoại: 22205485

Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại
Canada

Email: ca@moit.gov.vn, vinatrade@rogers.com

Điện thoại: (+1) 613 715 9683

THANK YOU

Trân trọng cảm ơn Quý vị và các Doanh nghiệp!